

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/DS-ST
Ngày: 18- 9- 2017
“*V/v Tranh chấp ranh đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường
2. Ông Bông Văn Truyền

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Nga – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2011/TLST- DS, ngày 11 tháng 11 năm 2011 về việc “*Tranh chấp tranh đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐXX-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông A, sinh năm: 1967

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông B, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp 4, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị N L, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

2. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông B, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

3. Nguyễn Duy K, sinh năm 2001.

4. Nguyễn Thị N D, sinh năm 2008.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông B, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

5. Ông Nguyễn Văn L (đã chết).

Người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L:

5.1. Bà Nguyễn Thị N C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 5, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

5.2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

5.3. Bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

5.4. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

5.5. Ông B, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An

5.6 . Bà Phạm Thị M, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

6. Bà Trần Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

7. Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An.

(Các đương sự triệu tập có mặt riêng UBND huyện, bà C, bà Q, ông N , bà M, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ông A trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án yêu cầu giải quyết như sau:

Nguồn gốc đất 544 là của mẹ ông Bên là H T Đ sử dụng từ trước năm 1975. Vào năm 1991 bà Đ chết, chị ruột ông là bà P T B đứng kê khai thừa kế quyền sử dụng đất do bà Đ để lại và được UBND huyện Z cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1321m². Sau khi được cấp giấy bà B sang nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ 460m², sang nhượng cho ông Phan Văn T 270m², diện tích còn lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng là 591m², đến năm 2011, ông được bà B tặng cho và chuyển quyền sử dụng đất thửa 544 diện tích 591m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 2 xã Y, khi làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ bà B sang cho ông không có đo đạc thực tế chỉ căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giáp với phần đất của ông là đất của Ông B Sau khi được bà B chuyển quyền sử dụng đất cho ông, ông dự định cất nhà thì bị ông B cản trở. Ranh giới đất trước đây là hàng dừa do bà Đ trồng vào khoảng năm 1980. Hàng dừa này hiện tại đã chết không còn. Kể đến là cái mương do gia đình ông B đào, phần đất tranh chấp do ông B sử dụng, từ nhỏ ông sống chung với gia đình cùng sử dụng thửa 544, đến năm 1980 ông về bên vợ sống ở ấp T L, xã Y. Nay ông yêu cầu ông B trả lại cho ông quyền sử dụng đất có diện tích 313,4m² thuộc khu H, khu H1, H2 theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính cho do Công By TNHH Đo đạc Nhà đất Hưng Phú lập ngày 4-7-2016.

Bị đơn Ông B trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cha anh ông Nguyễn Văn L để lại cho ông năm 2007, trong đó có phần đất thửa số 545, loại đất thổ. Khi tặng cho quyền sử dụng đất cho ông không có đo đạc thực tế mà chỉ tặng cho theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 545 giáp với thửa số 544 của Ông A. Ông sống chung với ông L và bà M từ nhỏ, trước đây ranh đất giữa hai bên giáp nhau có bờ chiều ngang khoảng 3,8m, cái bờ rất thấp nên gia đình đã bồi đắp cho nước không ngập, cái bờ này thuộc quyền sử dụng của gia đình ông, trên bờ không có trồng trọt gì, giáp ranh hai thửa gia đình ông B trồng trâm bầu sau đó trâm bầu chết, thì trồng dừa nhưng dừa cũng đã chết.

Trước yêu cầu của ông A, ông chỉ đồng ý cắt đôi cái bờ này chia cho ông A một nửa bờ là khu H1 có diện tích 57,2 m².

Đối với khu H hiện tại là cái ao, trước đây là ruộng trồng lúa, hiện tại ông đắp bờ làm ao thả cá, phần đất tranh chấp là Khu H, H1, H2 từ trước tới nay do gia đình ông sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị H trình bày: Bà là vợ của ông B, bà và ông B kết hôn năm 1987. Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ chồng bà tên H T Đ sử dụng, sau đó chuyển nhượng lại cho bà P T B đứng tên quyền sử dụng đất. Vào năm 2011 ông B được bà B chuyển quyền sử dụng đất phần đất thửa số 544, diện tích 591m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 2 xã Y. Giáp với phần đất của vợ chồng bà là phần đất của Ông B. Sau khi ông B nhận tặng cho quyền sử dụng đất, bà và Ông B dự định cất nhà thì bị ông B cản trở. Ranh giới giữa hai thửa đất 544, 545 thì bà không rõ lắm. Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông B trả đất, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà Phạm Thị N L trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cha chồng tên Nguyễn Văn L tặng cho ông B năm 2007. Bà và ông B kết hôn năm 2000, thửa đất 545 giáp thửa 544 của ông B, khi về sống trên phần đất này ranh giới giữa hai thửa là hàng dừa kể đến là cái bờ của ông B.

Phần tranh chấp khu H là cái ao do ông B nuôi cá. Ông B yêu cầu là không có cơ sở.

Tại văn bản số 82/UBND- VP ngày 14/01/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức có ý kiến: yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự. UBND huyện Y thực hiện theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Ông B đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị M trình bày:

Bà Phạm Thị M là mẹ ông. Năm 2007, bà M và ông L đã tặng cho ông thửa đất số 545 tờ bản đồ số 02 xã Y. Trong vụ án này bà M đã ủy quyền cho ông và ông được toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan trong vụ án.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn L: Bà Nguyễn Thị N C, bà Nguyễn Ngọc Q, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Văn N trình bày: Bà C, ông Q, ông N và ông H là con của ông Nguyễn Văn L, nguồn gốc các thửa đất do Ông B đứng tên quyền sử dụng đất là của ông L tặng cho, ranh giới thửa 544, 545 là bờ dừa do

gia đình ông B trông rồi đến cái bờ của gia đình. Bà C, bà Q và ông H đã có gia đình sống riêng không có yêu cầu gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Long an :

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, các đương sự có mặt đã chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án .

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Tòa án:

Bác yêu cầu của Ông A.

Ghi nhận sự nguyện của Ông B hoàn trả cho ông B diện tích đất là 57,2m² tờ bản đồ số 2 xã Y, huyện Bến Lức, thuộc khu H 1 theo bản vẽ phân khu của Công By TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thẩm quyền, phạm vi giải quyết và thủ tục tố tụng :

[1] Ông A khởi kiện yêu cầu Ông B hoàn trả quyền sử dụng đất diện tích 313,4m² thuộc khu H theo mảnh trích đo địa chính ngày 25/4/2016 của Công By TNHH đo đạc nhà đất Hưng phú và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 13/5/2016 và trên bản vẽ này Công By TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú phân khu ngày ngày 4/7/2016 phân tranh chấp gồm khu H, khu H1 và H2 . Do đó xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Tranh chấp ranh đất ". Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Ủy ban nhân dân huyện Y, bà Phan Thị M, Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Thị Ngọc Q, ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu H có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, các đương sự có mặt không xuất trình, giao nộp thêm chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/7/2017 để giải quyết vụ án.

[4] Ngày 28/10/2014 Tòa án nhân dân huyện Bến lức có công văn gửi công an xã Y xác nhận hiện nay bà P T B sinh sống ở đâu nhưng công an xã Y không Bả lời, ông B không cung cấp địa chỉ của bà Bàng, do đó trong vụ án này không cần thiết đưa bà B tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung tranh chấp :

[5] Ông A yêu cầu Ông B hoàn trả diện tích 313,4m². Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 085680 ngày 5/3/1996 do UBND huyện Bến Lức cấp cho ông Nguyễn Văn L và được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chính lý qua tên B ngày 14/8/2007 thì ông B được công nhận quyền sử dụng đất các thửa 450, 547, 551, 619, 552, 545 diện tích là 9126m² gồm đất lúa, thổ , vườn cùng tờ bản đồ số 2. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC971404 ngày 24/5/2011 do UBND huyện Bến Lức cấp cho bà P T B và ngày 22/6/2011 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bến Lức chính lý qua A thì ông B được công nhận quyền sử dụng đất 591m² đất thuộc thửa 544, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 2. Đối chiếu với mảnh

trích đo bản đồ địa chính của Công By TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú xác nhận ngày 25/4/2016 và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 13/5/2016 thì diện tích đất thực tế của ông B sử dụng là $6.981,6\text{m}^2$, phần đất của anh Tú thiếu $2144,4\text{m}^2$ nếu cộng luôn phần đất $313,4\text{m}^2$ tranh chấp Khu H, H1, H2 thì diện tích đất của B vẫn thiếu 1.831m^2 . Diện tích thực tế của ông B sử dụng $89,8\text{m}^2$, diện tích đất còn thiếu $501,2\text{m}^2$ cộng phần đất tranh chấp $313,4\text{m}^2$ thì ông B còn thiếu $187,8\text{m}^2$.

[6] Tại công văn số 32/CV.UBND ngày 3/7/2012 của UBND xã Y, huyện Bến Lức xác nhận bà B sử dụng thửa 544 tờ bản đồ số 2 từ năm 1976 đến 6/2011 thì chuyển quyền sử dụng đất cho Ông A, và bà B không có tranh chấp quyền sử dụng đất với ông L, ông B. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và bà B không có đo đạc thực tế mà chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dựa theo hồ sơ địa chính và không có cắm mốc ranh giới thửa đất.

[7] Tại công văn số 363 ngày 2/10/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bến Lức xác nhận hồ sơ kê khai ban đầu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn L số giấy B 088680 ngày 05/3/1996. Hồ sơ cấp giấy cho ông L đúng theo trình tự cấp giấy theo quy định pháp luật, dựa vào đơn kê khai đăng ký cấp giấy của ông L. Không có đo đạc thực tế, không có cắm ranh. Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P T B số giấy BC 971404 ngày 24/5/2011 thửa đất 544 tờ bản đồ số 2. Thửa đất này là phần còn lại khi bà B tách thửa chuyển quyền theo đơn tách thửa được Phòng Tài nguyên Môi trường duyệt ngày 22/4/2011. Thửa đất 544 thuộc phần còn lại không có cắm ranh giới hay đo đạc cụ thể. Diện tích thửa 544 bị giảm là do: Mở lối đi công cộng (khi thực hiện tách thửa chuyển quyền cho các chủ sử dụng mới thì không trừ đi diện tích mở lối đi công cộng) nhưng thực tế đã có lối đi. Sai ranh bản đồ giữa các thửa đất liền kề nhưng khi đăng ký cấp giấy không có đo thực tế .

[8] Tại công văn số 122/UBND –TNMT ngày 24/01/2014 của UBND huyện Bến Lức xác nhận thửa đất 450, 547, 551, 619, 552, 545 tờ bản đồ số 2, xã Y, huyện Bến Lức có nguồn gốc đất nhà của ông Nguyễn Văn L sử dụng ổn định, thực hiện kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 5/3/1996 . Ông B nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trọn giấy, được chỉnh lý trực tiếp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về chủ sử dụng ngày 14/8/2007.

Thửa đất số 544, tờ bản đồ số 2, xã Y, diện tích 591m^2 , loại đất CLN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 971404 do UBND huyện Bến Lức cấp ngày 24/5/2011 cho bà P T B có nguồn gốc là phần còn lại sau khi thực hiện tách thửa đất số 544 , tờ bản đồ số 2, xã Y, diện tích 1041m^2 , loại đất ONT, CLN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC967943 do UBND huyện Bến Lức cấp ngày 31/8/2010 .

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L và bà P T B đúng theo trình tự, thủ tục quy định, không có tiến hành đo đạc thực tế, chỉ dựa vào số liệu do đơn vị thi công thành lập hồ sơ địa chính để cấp đối với ông Nguyễn Văn L và tính phần diện tích còn lại đối với bà P T B, không có biên bản xác định ranh giới mốc giới đất với phần đất nêu trên

[9] Với những căn cứ vừa nêu trên không thể căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm cơ sở giải quyết vụ án, về quá trình quản lý sử dụng đất, phần tranh chấp đất bên gia đình ông L và ông B sử dụng ổn định từ năm 1976 cho đến nay, trước khi tặng cho quyền sử dụng đất phần diện tích đất còn lại trong giấy chứng nhận của bà B Thị Bàng cũng không có tranh chấp đất với gia đình anh Tú, ngoài ra ông B không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của

ông. Do vậy, yêu cầu của Ông A là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa, ông B tự nguyện hoàn trả lại cho ông B 57,2m², tờ bản đồ số 2 tại xã Y, huyện Bến Lức thuộc khu H1 theo bản vẽ phân khu của Công By TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú xác nhận ngày 4/7/2016. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và có lợi cho ông B nên được Tòa án ghi nhận.

Về chi phí tố tụng và án phí:

[11] Chi phí tố tụng : Chi phí đo đạc, định giá thẩm định số tiền là 7.600.000đ, ông B đã tạm ứng 5.000.000đ, ông B tạm ứng 2.600.000đ. Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông A không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, Ông A phải chịu toàn bộ là 7.600.000đ. Ông B phải nộp 2.600.000đ hoàn trả cho ông B.

[12] Án phí sơ thẩm: Giá trị quyền sử dụng đất đang tranh chấp theo biên bản định giá ngày 2/6/2015 thì giá đất LNK có giá 90.000đ x 313,4 m² = 28.206.000đ .

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015 và tại Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án. Ông A phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là : 28.206.000đ x 5% = 1.410.300đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217, 218, Điều 219 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án. .

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông A về việc “Tranh chấp ranh đất” với Ông B.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ông B hoàn trả cho Ông A diện tích đất là 57,2m², tờ bản đồ số 2 tại xã Y, huyện Bến Lức thuộc khu H1 theo bản vẽ phân khu của Công By TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú xác nhận ngày 4/7/2016.

Ông B, bà M, bà Lan, ông B người đại diện cho cháu K và cháu D có trách nhiệm giao lại cho ông B 57,2m² tờ bản đồ số 2 tại xã Y, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, thuộc khu H1 theo bản vẽ phân khu của Công By TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú xác nhận ngày 4/7/2016.

Về chi phí tố tụng: Ông A phải chịu tiền chi phí tố tụng là 7.600.000đ, ông A đã nộp 5.000.000đ, và còn phải nộp tiếp 2.600.000đ hoàn trả cho ông B.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông A phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.410.000đ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 1.580.000đ theo biên lai thu tiền số 101618 ngày 26/9/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, hoàn trả cho ông B số tiền 300.000đ theo biên thu tạm ứng án phí số 04898 ngày 13/1/2017 và số tiền tạm ứng án phí là 600.000đ theo biên lai thu số 08269 ngày 11/11/2011 và 170.000đ còn thừa theo biên lai thu tạm ứng án phí số 101618 ngày 26/7/2014 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hoàng

